

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 08-01-2021

V/v tranh chấp: “Chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng sau khi ly hôn; yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất vô hiệu”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyên.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Huỳnh Văn Ngoan.

2/ Bà Lê Thị Hồng Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 08 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2020/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp “Chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng sau khi ly hôn; yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất vô hiệu”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 179/2020/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 524/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1975 (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 09/12/2020) (có mặt);

Địa chỉ: Đường T, Khu phố T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Trần Thanh H1, Luật sư Văn phòng luật sư Trần Thanh H1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Thương mại cổ phần C;

Địa chỉ: Đường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Minh L - Trưởng Phòng giao dịch Cái Bè (theo Văn bản ủy quyền số 858/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 16/11/2018) (có mặt);

Địa chỉ: Khu B, thị trấn C, huyện C, Tỉnh Tiền Giang.

2. Văn phòng Công chứng M;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C1 - Trưởng Văn phòng (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc H; bị đơn anh Huỳnh Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

**** Nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc H trình bày:***

Chị và anh T xác lập quan hệ vợ chồng năm 2004, do phát sinh mâu thuẫn nên chị làm đơn xin ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 113/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C thì phần tài sản chung và nợ chung không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, chị và anh T không thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 căn nhà ngang 05m, dài 12m nền gạch bông, vách tường, mái tôn xây dựng trên phần đất thuộc thửa số 96, tờ bản đồ 23, diện tích 157,7m² tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang do anh Huỳnh Thanh T đứng tên. Do chị và anh T không thỏa thuận chia tài sản chung được và anh T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung nên chị yêu cầu chia đôi tài sản là căn nhà gắn liền thửa đất số 96, tờ bản đồ 23, diện tích 157,7m² tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chị xin nhận bằng hiện vật và thối lại anh T ½ giá trị tài sản.

Tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/11/2019 chị H trình bày: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng có yêu cầu độc lập yêu cầu chị và anh T trả 297.500.000 đồng nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Chứng cứ Ngân hàng cung cấp là Hợp đồng vay số 034/2018/-HĐCV/NHCT762, mục đích vay sửa chữa nhà ở tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nhưng tại các trang của hợp đồng không có chữ ký của chị. Còn đối

với Hợp đồng thế chấp số 034B/2018-HĐCV/NHCT762 ngày 01/02/2018 được Công chứng viên Nguyễn Văn C1 chứng nhận nhưng lại do Công chứng viên Nguyễn Văn Y ký tên. Từ khi ký hợp đồng, Ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản anh T dù anh không sửa chữa nhà như thỏa thuận trong hợp đồng là không đúng quy định pháp luật. Chị yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng vay số 034/2018/-HĐCV/NHCT762 ngày 30/01/2018 Hợp đồng thế chấp số 034B/2018-HĐCV/NHCT762 ngày 01/02/2018 do Công chứng viên Nguyễn Văn C1 chứng nhận nhưng lại do Công chứng viên Nguyễn Văn Y ký tên là không đúng quy định.

Tại Biên bản hòa giải ngày 20/5/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày: Yêu cầu Tòa án xử chia cho chị H được nhận phần đất không có nhà ở, yêu cầu anh T thối lại $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà ở cho chị H theo như kết quả đo đạc hiện trạng đất ngày 29/9/2019. Đối với yêu cầu phản tố của anh T về số nợ ngoài 183.275.000 đồng, chị H không đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số tiền anh T yêu cầu. Không đồng ý cùng anh T chia $\frac{1}{2}$ nghĩa vụ trả 350.000.000 đồng tiền vốn, lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C. Không đồng ý với ý kiến của phía Ngân hàng. Yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng vay số 034/2018/-HĐCV/NHCT762 ngày 30/01/2018 không có chữ ký của chị tại các trang hợp đồng, Hợp đồng thế chấp số 034B/2018-HĐCV/NHCT762 ngày 01/02/2018 do Công chứng viên Nguyễn Văn C1 chứng nhận nhưng lại do Công chứng viên Nguyễn Văn Y ký tên, không đúng quy định là vô hiệu.

** Bị đơn anh Huỳnh Thanh T trình bày:*

Anh thừa nhận thửa số 96, tờ bản đồ 23, diện tích 157,7m² tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang do anh đứng tên, trên thửa đất có cất 01 căn nhà ngang 05m, dài 11m là tài sản chung của vợ chồng. Hiện tài sản trên do anh quản lý, sử dụng. Ngoài ra trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần C - Chi nhánh Tây Tiền Giang 350.000.000 đồng tiền vốn, thời hạn vay 05 năm; nợ Huỳnh Thanh Q 28.000.000 đồng; nợ Huỳnh Thị S 15.000.000 đồng; nợ Phạm Thị Mộng T2 73.275.000 đồng; nợ Huỳnh Thanh L1 25.000.000 đồng; nợ Trần Thị Ngọc T3 8.000.000 đồng, nợ Nguyễn Thị Kiều L2 5.000.000 đồng; nợ Nguyễn Thị L3 25.000.000 đồng. Trước khi ly hôn, anh chị có thỏa thuận miệng là anh được sở hữu toàn bộ tài sản chung của vợ chồng là nhà đất, đồng thời anh chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên nên anh mới đồng ý ly hôn. Sau khi ly hôn anh đã trả xong toàn bộ nợ ngoài và hiện còn thiếu nợ Ngân hàng. Anh đồng ý chia tài sản chung vợ chồng là thửa số 96, tờ bản đồ 23, diện tích 157,7m² tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang và căn nhà trên đất, anh xin nhận bằng hiện vật và thối lại $\frac{1}{2}$ giá trị chênh lệch. Yêu cầu chị H phải thối trả anh 91.500.000 đồng là $\frac{1}{2}$ số tiền nợ anh đã trả cho 07 người. Yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ nghĩa vụ thanh toán nợ vốn, lãi cho Ngân hàng.

Tại Biên bản hòa giải ngày 20/5/2020, anh T không đồng ý chia nhà và đất tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang và anh tự trả nợ chung của vợ chồng bao gồm nợ ngoài và của Ngân hàng. Đối với yêu cầu của chị H yêu cầu Tòa án

tuyên bố vô hiệu Hợp đồng vay số 034/2018/-HĐCV/NHCT762 ngày 30/01/2018, Hợp đồng thế chấp số 034B/2018-HĐCV/NHCT762 ngày 01/02/2018 anh không đồng ý. Nếu phía chị H không đồng ý thì anh vẫn giữ ý kiến ban đầu.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T trình bày: Anh đồng ý nhận phần đất có nhà ở thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ 23, diện tích 157,7m² tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Các tài sản khác trên đất giao theo hiện trạng đất, không có tranh chấp. Yêu cầu chị H phải chịu trách nhiệm cùng anh trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền vốn 350.000.000 đồng và số tiền lãi anh đã trả cho Ngân hàng. Đối với số nợ ngoài anh đã trả cho 07 chủ nợ anh không yêu cầu chị H phải trả cùng anh nữa, anh cũng không yêu cầu chị H trả số tiền lãi phát sinh trả cho Ngân hàng trong thời gian tới. Đối với yêu cầu của chị H yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu Hợp đồng vay số 034/2018/-HĐCV/NHCT762 ngày 30/01/2018, Hợp đồng thế chấp số 034B/2018-HĐCV/NHCT762 ngày 01/02/2018 anh không đồng ý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần C trình bày:*

Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh Tây Tiền Giang đã cho anh Huỳnh Thanh T và chị Phạm Thị Ngọc H vay 350.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 034/2018/-HĐCV/NHCT762 ngày 30/01/2018, lãi suất thả nổi, khi ký tại hợp đồng lãi suất là 10,5%/năm. Thời hạn vay 05 năm, mục đích vay để sửa chữa nhà ở. Khi vay bên vay có thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 96, tờ bản đồ 23, diện tích 157,7m² tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang do anh T đứng tên và quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do hộ ông Huỳnh Văn Niễn đứng tên. Do anh T và chị H làm thủ tục phân chia tài sản sau ly hôn nên Ngân hàng yêu cầu anh T và chị H phải thanh toán hết phần vốn còn nợ, lãi cho Ngân hàng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Nếu quá thời hạn mà anh T, chị H không thực hiện thì đề nghị thanh lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ngày 27/11/2019 Ngân hàng Thương mại cổ phần C có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập của mình.

Tại Biên bản hòa giải ngày 20/5/2020 Ngân hàng Thương mại cổ phần C trình bày: Không đồng ý yêu cầu của chị H yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu với Hợp đồng vay số 034/2018/-HĐCV/NHCT762 ngày 30/01/2018, Hợp đồng thế chấp số 034B/2018-HĐCV/NHCT762 ngày 01/02/2018.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần C vẫn giữ nguyên ý kiến về việc rút yêu cầu khởi kiện độc lập của mình. Không đồng ý yêu cầu của chị H yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu Hợp đồng vay số 034/2018/-HĐCV/NHCT762 ngày 30/01/2018, Hợp đồng thế chấp số 034B/2018-HĐCV/NHCT762 ngày 01/02/2018. Ngân hàng có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết chị H, anh T trả số nợ của Ngân hàng trước khi phân chia

tài sản chung. Tại thời điểm xét xử anh T, chị H đã trả được 122.000.000 đồng tiền vốn, 84.601.566 đồng tiền lãi, còn nợ 228.000.000 đồng tiền vốn và lãi phát sinh chưa đến hạn

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng M trình bày:*

Hợp đồng thế chấp số 034B/2018-HĐCV/NHCT762 ngày 01/02/2018 được Văn phòng Công chứng M công chứng là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên do bộ phận đóng dấu nhầm dấu tên Công chứng viên Nguyễn Văn Y. Sau khi phát hiện Văn phòng Công chứng cũng có văn bản đính chính. Việc đóng dấu tên nhầm không ảnh hưởng đến giá trị pháp lý của Văn bản công chứng nên không đồng ý việc chị H yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp số 034B/2018-HĐCV/NHCT762 ngày 01/02/2018 do Văn phòng Công chứng chứng thực là vô hiệu.

** Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 179/2020/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 147 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 28, 29, 33, 37, 59, 60 và Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 5 và Điều 50 Luật Công chứng; Điều 95 Luật Đất đai; Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Phạm Thị Ngọc H.

1.1. Chia cho chị Phạm Thị Ngọc H diện tích đất 77,5m² cùng nhà tiền chế ngang 9,5m, dài 5,1m, diện tích 48,45m². Kết cấu cột kèo thép, vách tole, mái che tole, nền xi măng. Nhà và đất trong thửa đất số 96, tờ bản đồ 23, diện tích 157,7m² (diện tích đo đạc thực tế là 159,8m²) tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01801 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 05/3/2014 cho anh Huỳnh Thanh T. Tờ bản đồ như sau:

- Bắc giáp đất bà Lê Thị B dài 14,72m;
- Nam giáp đất còn lại của thửa đất 96 dài 14,54m;
- Đông giáp giáp rạch dài 5,30m;
- Tây giáp đường huyện 71B dài 5,3m.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo)

1.2. Chia cho anh Huỳnh Thanh T diện tích đất 82,3m² cùng căn nhà kiên cố trên đất ngang 5,1m, dài 11m, diện tích 56,1m². Kết cấu cột, dầm bê tông, vách tường, mái tole, nền gạch Ceramic, có khu phụ, trần Prima, tường ốp gạch, gác gỗ lững. Nhà và đất trong thửa đất số 96, tờ bản đồ 23, diện tích 157,7m² (diện tích đo đạc thực tế là 159,8m²) tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang

theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01801 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 05/3/2014 cho anh Huỳnh Thanh T. Tứ cận như sau:

- Bắc giáp đất phần còn lại của thửa đất 96 dài 14,54m;
- Nam giáp đất Nguyễn Văn B1 dài 14,35m;
- Đông giáp giáp rạch dài 5,70m;
- Tây giáp đường huyện 71B dài 5,7m.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo)

1.3. Anh Huỳnh Thanh T phải thôi chia cho chị Phạm Thị Ngọc H $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà kiên cố (nhà ở) là 82.523.500 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị Phạm Thị Ngọc H yêu cầu tuyên bố Hợp đồng vay 034/2018/-HĐCV/NHCT762 ngày 30/01/2018, Hợp đồng thế chấp số 034B/2018-HĐCV/NHCT762 ngày 01/02/2018 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh Tây Tiền Giang với anh Huỳnh Thanh T và chị Phạm Thị Ngọc H vô hiệu.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của anh Huỳnh Thanh T yêu cầu chị H phải thôi trả anh 91.500.000 đồng tiền nợ.

4. Chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố chia nợ chung của vợ chồng của anh Huỳnh Thanh T.

4.1. Chị Phạm Thị Ngọc H phải hoàn trả lại anh T 40.666.000 đồng vốn và 28.200.522 đồng tiền lãi mà anh T đã bỏ ra để trả Ngân hàng. Tổng cộng là 68.866.522 đồng.

4.2. Chị Phạm Thị Ngọc H phải chịu trách nhiệm trả nợ chung chưa đến hạn của Ngân hàng Thương mại cổ phần C là 76.000.000 đồng.

Chị Phạm Thị Ngọc H có nghĩa vụ giao cho anh Huỳnh Thanh T số tiền vốn chưa đến hạn trả là 76.000.000 đồng để anh T thực hiện việc trả tiền cho Ngân hàng khi tới hạn trả.

4.3. Anh Huỳnh Thanh T phải có nghĩa vụ trả số tiền vốn chưa đến hạn là 152.000.000 đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C và lãi phát sinh theo Hợp đồng vay vốn đã ký kết. Anh T có nghĩa vụ nhận số tiền 76.000.000 đồng (phần nghĩa vụ trả nợ của chị H) để thực hiện việc thanh toán nợ cho Ngân hàng.

5. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

6. Anh Huỳnh Thanh T, chị Phạm Thị Ngọc H được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc kê khai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản đối với phần tài sản mình được chia sau khi thực hiện xong nghĩa vụ Hợp đồng vay 034/2018/-HĐCV/NHCT762 ngày 30/01/2018, Hợp đồng thế chấp số 034B/2018-HĐCV/NHCT762 ngày 01/02/2018 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh Tây Tiền Giang với anh Huỳnh Thanh T và chị Phạm Thị Ngọc H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 01/9/2020, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc H có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: (i) chấp nhận yêu cầu của chị về việc tuyên bố Hợp đồng vay 034/2018/HĐCV/NHCT762 ngày 30/01/2018, Hợp đồng thế chấp số 034B/2018-HĐCV/NHCT762 ngày 01/02/2018 vô hiệu; (ii) không chấp nhận yêu cầu của anh T về việc buộc chị hoàn trả lại cho anh T 40.666.000 đồng vốn và 28.200.522 đồng tiền lãi mà anh T đã bỏ ra để trả cho Ngân hàng và buộc chị phải chịu trách nhiệm trả nợ chung chưa đến hạn cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C là 76.000.000 đồng.

* Ngày 03/9/2020, bị đơn anh Huỳnh Thanh T có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại phần tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu và đề nghị: Anh T kháng cáo đối với phần chia tài sản chung. Anh T đồng ý chia tài sản chung, nhưng anh không đồng ý chia hai bằng hiện vật, anh yêu cầu nhận bằng hiện vật, thối lại chị H bằng giá trị. Vì tài sản trên không thể chia hai được do căn nhà tiền chế là cất liền không tách rời, hiện nay chị H đã có chồng khác không thể nào chia đất ra và hai bên vẫn ở cạnh nhau được. Đối với phần nợ Ngân hàng liên quan đến tài sản, tài sản chia mỗi người $\frac{1}{2}$ nhưng nợ lại không chia ra mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ là không phù hợp, đề nghị nợ chia ra mỗi người phải có trách nhiệm chịu $\frac{1}{2}$. Đối với yêu cầu kháng cáo của chị H đề nghị không chấp nhận vì không có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Án sơ thẩm chia tài sản chung của vợ chồng bằng hiện vật là có căn cứ. Đối với khoản nợ vay là trong thời kỳ hôn nhân, chị H ký tên vào hợp đồng vay tài sản, án sơ thẩm chia phần nợ đã có xem xét đến khả năng và hoàn cảnh của mỗi bên. Chị H và anh T kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ nào mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H và anh T, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng M có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt Văn phòng Công chứng M là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Các đương sự có nơi cư trú và tài sản tranh chấp là đất tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo quy định Điều 26, Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu anh Huỳnh Thanh T phải chia cho chị phần đất không có nhà ở, yêu cầu anh T thối lại $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà ở gắn liền thửa đất số 96, tờ bản đồ 23, diện tích 157,7m² tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo như kết quả đo đạc hiện trạng đất ngày 29/9/2019; yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu Hợp đồng vay số 034/2018/-HĐCV/NHCT762 ngày 30/01/2018, Hợp đồng thế chấp số 034B/2018-HĐCV/NHCT762 ngày 01/02/2018. Đối với anh T thì yêu cầu chị H có trách nhiệm cùng anh trả số nợ chung của vợ chồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Chia tài sản chung, nợ chung vợ chồng sau ly hôn; yêu cầu tuyên bố Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng thế chấp vô hiệu” theo quy định tại Điều 33 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 5 và Điều 50 Luật Công chứng.

[4] Về thủ tục kháng cáo: Chị Phạm Thị Ngọc H và anh Huỳnh Thanh T nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định theo đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[5] Về nội dung kháng cáo:

[5.1] Nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc H có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: (i) chấp nhận yêu cầu của chị về việc tuyên bố Hợp đồng vay 034/2018/-HĐCV/NHCT762 ngày 30/01/2018, Hợp đồng thế chấp số 034B/2018-HĐCV/NHCT762 ngày 01/02/2018 vô hiệu; (ii) không chấp nhận yêu cầu của anh T về việc buộc chị hoàn trả lại cho anh T 40.666.000 đồng vốn và 28.200.522 đồng tiền lãi mà anh T đã bỏ ra để trả cho Ngân hàng và buộc chị phải chịu trách nhiệm trả nợ chung chưa đến hạn cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C là 76.000.000 đồng.

[5.2] Bị đơn anh Huỳnh Thanh T có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại phần tài sản chung và nợ chung.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn:

Hợp đồng vay 034/2018/-HĐCV/NHCT762 ngày 30/01/2018 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh Tây Tiền Giang với anh Huỳnh Thanh T và chị Phạm Thị Ngọc H thể hiện anh T và chị H có vay số tiền 350.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết chị H thừa nhận chữ ký tại Hợp đồng vay trên

là của chị. Quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T với chị H là ngày 17/4/2018. Số tiền nợ 350.000.000 đồng là số tiền nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, đây là nợ chung của vợ chồng. Để đảm bảo cho số tiền vay 350.000.000 đồng là hai Hợp đồng thế chấp tài sản 034A/2018-HĐCV/NHCT762 ngày 29/01/2018 và 034B/2018-HĐCV/NHCT762 ngày 01/02/2018. Tại Hợp đồng thế chấp 034B/2018-HĐCV/NHCT762 ngày 01/02/2018 có chữ ký và ghi họ tên Phạm Thị Ngọc H, hợp đồng trên đã được công chứng chứng thực, chị H không có ý kiến gì đối với chữ ký và ghi họ tên của chị tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 034B ngày 01/2/2018.

Đối với yêu cầu kháng cáo của chị H tuyên bố Hợp đồng vay số 034/2018/-HĐCV/NHCT762 ngày 30/01/2018, Hợp đồng thế chấp số 034B/2018-HĐCV/NHCT762 ngày 01/02/2018 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh Tây Tiền Giang với anh T và chị vô hiệu do chị chỉ ký tên vào trang cuối của Hợp đồng vay tiền và anh T đã sử dụng tiền vay không đúng mục đích, đối với Hợp đồng thế chấp thì việc ký tên Công chứng viên không đúng quy định. Hợp đồng vay vốn 034/2018/-HĐCV/NHCT762 ngày 30/01/2018 chị H đã ký tên vào cuối hợp đồng. Căn cứ vào các quy định pháp luật cũng không có quy định nào khi ký tên vào hợp đồng phải ký từng trang. Đồng thời trong hợp đồng vay mà các bên ký kết không có điều khoản nào quy định người vay có quyền yêu cầu tuyên bố hợp đồng vay vô hiệu do sử dụng vốn vay không đúng mục đích. Hơn nữa, tại thời điểm ký kết hợp đồng, chị H có năng lực pháp luật dân sự đầy đủ, hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, bản thân chị H trong hợp đồng chỉ là người đồng nghĩa vụ trả nợ không phải là người vay. Do đó việc chị yêu cầu tuyên bố hợp đồng vay 034/2018/-HĐCV/NHCT762 ngày 30/01/2018 vô hiệu là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với Hợp đồng thế chấp số 034B/2018-HĐCV/NHCT762 ngày 01/02/2018 chị H không hề phủ nhận rằng chị không có ký tên vào Hợp đồng thế chấp. Về thời gian ký kết không cùng thời điểm với Hợp đồng vay nhưng trong mục 1.02 của Điều 1 Hợp đồng thế chấp có quy định nghĩa vụ bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của anh T, chị H phát sinh từ tất cả các Hợp đồng vay... được ký kết trước, cùng và/ hoặc sau thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp. Đối với việc Công chứng viên Nguyễn Văn C1 ký tên phần nội dung công chứng nhưng đóng dấu tên lại là Nguyễn Văn Y, xét thấy việc này không làm ảnh hưởng đến giá trị có hiệu lực của Hợp đồng thế chấp, không vi phạm điều cấm trong Luật Công chứng. Yêu cầu kháng cáo của chị H yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp 034B/2018-HĐCV/NHCT762 ngày 01/02/2018 vô hiệu của chị H không có căn cứ không được chấp nhận.

Chị H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 96, tờ bản đồ 23, diện tích 157,7m² tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cùng căn nhà cất trên đất. Đây là tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 034B ngày 01/2/2018 để bảo đảm cho khoản tiền vay 350.000.000 đồng hiện

nay chưa thanh toán cho Ngân hàng, còn nợ lại vốn và lãi đến thời điểm xét xử phúc thẩm là 219.899.912 đồng.

Tại Điều 4 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 034B ngày 01/2/2018 quy định tài sản thế chấp không phải là đối tượng của bất kỳ giao dịch dân sự, bên thế chấp phải cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến sự dịch chuyển hoặc bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng bất lợi tới tài sản thế chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng có ý kiến không đồng ý việc chia tài sản là diện tích đất 157,7m² tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cùng căn nhà cất trên đất, khi nào thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ mới đồng ý giao tài sản để chia.

Án sơ thẩm xét xử chia tài sản đang thế chấp cho chị H và anh T mỗi người ½ khi chị H và anh T không còn quan hệ vợ chồng, không được sự đồng ý của bên nhận thế chấp là không đúng.

Đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung đối với tài sản bảo đảm Ngân hàng của chị H là thuộc trường hợp đối tượng khởi kiện đang bị hạn chế giao dịch. Tài sản tranh chấp đang thuộc quyền quản lý của Ngân hàng, Ngân hàng không đồng ý chia, do đó không thể chia tài sản trên khi chưa thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ.

Đối với yêu cầu khởi kiện phản tố của anh T yêu cầu chia số tiền nợ Ngân hàng. Đối với số tiền nợ của Ngân hàng, Ngân hàng chưa khởi kiện, tài sản đang thế chấp chưa giải quyết chia như nhận định. Do đó án sơ thẩm giải quyết chia nợ và buộc anh T trả nợ cho Ngân hàng là chưa đúng.

Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung và chia nợ chung là chưa có căn cứ. Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị H đối với thửa đất số 96, tờ bản đồ 23, diện tích 157,7m² tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cùng căn nhà cất trên đất và yêu cầu phản tố của anh Huỳnh Thanh T đối với nợ chung là khoản nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh Tây Tiền Giang.

[7] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực kể từ khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

[8] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[9] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[10] Về án phí: Do hủy một phần án sơ thẩm nên chị H và anh T không phải chịu án phí phúc thẩm. Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm đối với yêu cầu tuyên bố Hợp đồng vay và Hợp đồng thế chấp vô hiệu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 308, Điều 311, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 28, 29, 33, 37, 59, 60 và Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 5 và Điều 50 Luật Công chứng;

Căn cứ Điều 95 Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị Ngọc H và anh Huỳnh Thanh T. Hủy một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 179/2020/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Phạm Thị Ngọc H đối với thửa đất số 96, tờ bản đồ 23, diện tích 157,7m² tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cùng căn nhà cất trên đất và yêu cầu phân tố của anh Huỳnh Thanh T đối với nợ chung là khoản nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh Tây Tiền Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị Phạm Thị Ngọc H yêu cầu tuyên bố Hợp đồng vay số 034/2018/-HĐCV/NHCT762 ngày 30/01/2018, Hợp đồng thế chấp số 034B/2018-HĐCV/NHCT762 ngày 01/02/2018 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh Tây Tiền Giang với anh Huỳnh Thanh T và chị Phạm Thị Ngọc H vô hiệu.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu phân tố của anh Huỳnh Thanh T yêu cầu chị H phải bồi trả anh 91.500.000 đồng tiền nợ.

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

5. Về án phí:

5.1. Chị Phạm Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chị H đã nộp tổng cộng 3.100.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu số 09900 ngày 04/3/2019, 0002868 ngày 18/12/2019 và 0003936 ngày 01/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên được hoàn lại 3.100.000 đồng.

5.2. Anh Huỳnh Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Hoàn lại anh Huỳnh Thanh T 2.287.500 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu số 10154 ngày

22/4/2019 và 0003947 ngày 07/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5.3. Hoàn lại Ngân hàng Thương mại cổ phần C 7.449.700 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 10419 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 14 giờ ngày 08/01/2021, có mặt đại diện Viện kiểm sát và anh Huỳnh Thanh T./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyền